

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-01-2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhuận

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Thanh Hải- Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1983; cư trú tại: Khu 01, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1977; cư trú tại: Khu 01, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 12/12/2018 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn K tự nguyện kết hôn với nhau ngày 12/4/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P,

huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở riêng tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ và làm ruộng. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K thường uống rượu say và đánh chửi chị. Chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh K không thay đổi. Từ tháng 4 năm 2011 chị về nhà mẹ đẻ tại xã P sinh sống cho đến nay, vợ chồng chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2019, bị đơn là anh Nguyễn Văn K trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị N trình bày. Theo anh K, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, dẫn tới thường xuyên nói cãi nhau. Anh K cũng đồng ý ly hôn, vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị N và anh K thống nhất trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Mai H- sinh ngày 21/3/2009, hiện nay đang ở chị N. Ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Anh K đề nghị thực hiện theo nguyện vọng của con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu đã trình bày;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tổ tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Nt và anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Mai H- sinh ngày 21/3/2009 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị N không yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn K bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của các đương sự cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh K là do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, dẫn tới vợ chồng thường xuyên nói cãi nhau. Từ khoảng tháng 04/2011 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị N và anh K thuận tình ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2]. Về con chung: Trong thực tế, con chung đã được chị N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay và con chung đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được sống cùng chị N. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định và toàn diện của con chung, cần giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị N không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Nguyễn Thị Mai H- sinh ngày 21/3/2009 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 01/2019 đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị N không yêu cầu.

2.2. Anh Nguyễn Văn K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 008443 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- THADS Cẩm Khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng